

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRƯỜNG LÂM

TÓM TẮT BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ THÔN
TRƯỜNG AN, XÃ TRƯỜNG LÂM, THỊ XÃ NGHI SƠN,
TỈNH THANH HÓA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LÂM, THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

Thanh Hóa, tháng 06 năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRƯỜNG LÂM

TÓM TẮT BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ
THÔN TRƯỜNG AN, XÃ TRƯỜNG LÂM, THỊ XÃ NGHI SƠN,
TỈNH THANH HÓA

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LÂM, THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA



Cao Văn Sự



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phúc Hương

Thanh Hóa, tháng 6 năm 2022

MỤC LỤC

1. Xuất xứ của dự án	6
1.1. Thông tin chung về dự án	6
1.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất	6
1.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án	6
1.1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường	6
1.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường	7
1.2.1. Các hạng mục công trình có khả năng tác động xấu đến môi trường	7
1.2.2. Hoạt động gây tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án	7
1.3. Dự báo tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án	7
1.3.1. Tác động môi trường chính, chất thải phát sinh giai đoạn thi công xây dựng	7
1.3.2. Tác động môi trường chính, chất thải phát sinh giai đoạn hoạt động	8
5.4. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án	9
5.4.1. Các công trình bảo vệ môi trường giai đoạn thi công	9
5.4.2. Các công trình bảo vệ môi trường giai đoạn hoạt động	11
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường	14
1.3.2. Nguyên nhân vật liệu phục vụ hoạt động dự án (vận hành thử nghiệm bằng vận hành thương mại = 100% công suất dự án)	15
1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	19
1.6.1. Vốn đầu tư	21
1.6.2. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án	21
3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	23
4.2. Chương trình quan trắc và giám sát môi trường	28
4.2.1. Giám sát chất thải trong khu vực dự án	28
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ THAM VẤN	30
5.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng	30
5.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên mạng thông tin điện tử	30
5.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến.....	30
5.2. Kết quả tham vấn cộng đồng	30
Chương I Thống nhất với các nội dung đã trình bày tại chương I, bao gồm chủ trương đầu tư, quy mô xây dựng và các chỉ tiêu kỹ thuật.	31
Chương II	31
Thống nhất với các nội dung về tình hình kinh tế xã hội khu vực và đặc điểm các	

tượng kinh tế khu vực dự án.	31
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT	33
1. Kết luận	33
2. Kiến nghị	33
3. Cam kết	33
3.1. Cam kết thực hiện các biện pháp BVMT trong quá trình thi công dự án	33
3.2. Cam kết BVMT trong quá trình hoạt động của dự án	34
3.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí	34
3.2.2. Xử lý nước thải	34
3.2.3. Xử lý chất thải rắn	34
3.2.4. Xử lý các ô nhiễm môi trường khác	34
3.2.5. Cam kết giám sát môi trường	35
3.2.6. Cam kết khác	35

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BOD₅: Nhu cầu ôxy hoá sinh hoá (sau 5 ngày)
MT: Môi trường
BTNMT: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT: Bảo vệ môi trường
BYT: Bộ y tế
COD: Nhu cầu ôxy hoá hoá học
CN: Công nghiệp
CTR: Chất thải rắn
CP: Chính phủ
CP: Cổ phần
ĐTM: Báo cáo đánh giá tác động môi trường
KT-XH: Kinh tế xã hội
PCCC: Phòng cháy chữa cháy
GTVT: Giao thông vận tải
QĐ: Quyết định
QCVN: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
UBND: Ủy ban nhân dân
UBMTTQ: Ủy ban mặt trận tổ quốc
VLXD: Vật liệu xây dựng
WHO: Tổ chức Y tế thế giới
HTX DV NN: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp
KHHGD: Kế hoạch hóa gia đình
BCH: Ban chấp hành
ANTT: An ninh trật tự
ATXH: An toàn xã hội
HST: Hệ sinh thái
TNSV: Tài nguyên sinh vật
GTVT: Giao thông vận tải
GD1: Giai đoạn 1
GD2: Giai đoạn 2
NTTT: Nước thải tập trung

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án.....	12
Bảng 1.2: Dự kiến quy mô dân số dự án giai đoạn vận hành.....	16
Bảng 1.3: Các đối tượng sử dụng nước khi dự án đi vào vận hành	17
Bảng 1. 4: Nhu cầu sử dụng điện	19
Bảng 1.5: Tiến độ thực hiện dự án (quý III năm 2022 - quý III năm 2023)	20
Chuẩn bị mặt bằng:.....	20
Bảng 1.6: Kinh phí thực hiện dự án	21
Bảng 1.7: Tổng hợp phương án tổ chức thực hiện các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường.	24

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.0: Vị trí thực hiện dự án	Error! Bookmark not defined.
Hình 1.1: Ảnh chụp hiện trạng khu vực thực hiện dự án	Error! Bookmark not defined.
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình vận hành dự án	Error! Bookmark not defined.
Hình 1.7: Sơ đồ quy trình vận hành dự án	Error! Bookmark not defined.
Hình 1.4: Sơ đồ tổ chức quản lý của dự án	22
Hình 3.1. Sơ đồ phân dòng xử lý nước thải toàn bộ dự án .	Error! Bookmark not defined.
Hình 3.2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại.	Error! Bookmark not defined.
Hình 3.3. Sơ đồ bể tách dầu mỡ	Error! Bookmark not defined.

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Trường An, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: UBND xã Trường Lâm.

- Đại diện bởi: (Ông) Cao Văn Sự. Chức vụ: CT. UBND xã

- Địa chỉ: xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại: 0972671985.

- Vị trí khu vực thực hiện dự án: Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Trường An, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa có phạm vi ranh giới khu đất thuộc địa giới hành chính thôn Trường An, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn. Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch là 40.626,0m².

1.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Diện tích thực hiện dự án là: 40.626,0m² với phạm vi thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là toàn bộ phần diện tích 4,06ha theo MBQH số 14773 phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án: Khu dân cư thôn Trường An, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Quy mô, công suất dự án: Đầu tư xây dựng đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công cộng theo mặt bằng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Các hạng mục đầu tư bao gồm: San nền, giao thông, vỉa hè, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện, trồng cây xanh.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

1.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

- Các hạng mục công trình dự án: Khu vực thực hiện dự án được quy hoạch bao gồm: Đất ở liền kề là 9.875,5m² xây dựng 58 lô nhà ở liền kề; Đất ở biệt thự là 4.064,1m² xây dựng 13 lô nhà ở biệt thự; Đất cây xanh – mặt nước: 4.279,1m²; Đất bãi đỗ xe: 1.454,6m²; Đất công trình nhà văn hóa: 589,9m²; Đất giao thông: 20.074,7m².

- Hoạt động của dự án: Dự án diễn ra hoạt động sinh hoạt của khoảng 350 người dân sinh sống tại 58 lô nhà ở chia lô và 13 lô nhà ở biệt thự.

1.1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo điểm d khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, vực thực hiện dự án có các yếu tố nhạy cảm sau: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 2 vụ trở lên theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai với diện tích 29.582,74m².

1.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

1.2.1. Các hạng mục công trình có khả năng tác động xấu đến môi trường

Hạng mục nhà ở: Với diện tích đất ở liền kề là 9.875,5m² xây dựng 58 lô nhà ở liền kề; vườn diện tích đất ở biệt thự là 4.064,1m² xây dựng 13 lô nhà ở biệt thự; xây dựng bãi đỗ xe: 1.454,6m²; xây dựng công trình nhà văn hóa: 589,9m²

1.2.2. Hoạt động gây tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

1.2.2.1. Hoạt động gây tác động xấu đến môi trường giai đoạn thi công

- Hoạt động thi công san nền dự án;
- Hoạt động thi công xây dựng trên công trường;
- Hoạt động của cán bộ công nhân trên công trường;
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu.

1.2.2.2. Hoạt động gây tác động xấu đến môi trường giai đoạn hoạt động

- Hoạt động của người dân sống, sinh hoạt tại khu vực dự án;
- Hoạt động xe ra vào dự án;
- Hoạt động vệ sinh môi trường khu vực dự án.

1.3. Dự báo tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

1.3.1. Tác động môi trường chính, chất thải phát sinh giai đoạn thi công xây dựng

a. Tác động do nước thải

a1. Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công

Công nhân thi công trên công trường gây phát sinh nước thải sinh hoạt với thành phần các chất ô nhiễm gồm: Các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli).

a2. Nước thải thi công

Nước thải phát sinh do quá trình rửa các thiết bị, dụng cụ xây dựng, rửa xe với thành phần nước thải chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, đá, vôi vữa, xi măng. Đặc tính ô nhiễm của các chất thải này là gây cản trở sự khuếch tán oxy vào nước, nước có độ pH cao, gây ảnh hưởng đến cuộc sống các loài thủy sinh trong khu vực.

a3. Nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công san gạt mặt bằng kéo theo nhiều bùn đất, cát, rác thải... gây bồi lắng lưu vực tiếp nhận.

b. Tác động do bụi, khí thải:

b1. Quá trình san nền, quá trình thi công, đào đắp, san gạt, quá trình trút đổ vật liệu, quá trình trộn vữa

Các hoạt động trên gây phát sinh bụi, khí thải như: CO, SO₂, NO₂,....

b2. Hoạt động máy móc thi công, hoạt động hàn.

Các hoạt động trên gây phát sinh bụi, khí thải như: Khói hàn, CO, SO₂, NO₂, NO_x

b3. Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu

Quá trình vận chuyển nguyên nguyên vật liệu, vận chuyển đất đổ thải phát sinh các khí thải: bụi bốc bay, CO, SO₂, NO₂.

c. Chất thải rắn

c1. Chất thải rắn sinh hoạt

Công nhân thi công trên công trường gây phát sinh CTR sinh hoạt với thành phần: Chất hữu cơ, giấy, bìa cát tông, giẻ vụn, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

c2. Chất thải rắn thi công

Quá trình thi công phát sinh lượng lớn CTR với thành phần bao gồm: đất bóc phong hóa, vật liệu phá dỡ đường điện, thảm thực vật, bao bì xi măng, bê tông gạch vỡ, đất đào thừa, mẫu sắt thép thừa...

d. Chất thải nguy hại

Phát sinh chủ yếu từ quá trình bảo dưỡng máy móc với thành phần gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, bóng đèn, chai thủy tinh...

1.3.2. Tác động môi trường chính, chất thải phát sinh giai đoạn hoạt động

a. Tác động do nước thải

a1. Nước mưa chảy tràn:

Nước mưa chảy tràn qua khu vực nhà máy kéo theo nhiều đất, cát, rác thải... gây bồi lắng lưu vực tiếp nhận.

a2. Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt chiếm 100% lưu lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt bao gồm BOD₅, TSS, NH₃, dầu mỡ... nếu không được xử lý sẽ vượt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) nhiều lần.

b. Tác động do bụi và khí thải

b1. Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

Hoạt động xe, các phương tiện ra vào gây phát sinh bụi bốc bay và các khí thải như: CO, C_xH_y, NO_x, SO₂, Aldehyd, Bụi gây tác động ô nhiễm đến môi trường dự án.

b2. Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động tổng hợp xây dựng các công trình của các nhà đầu tư thành viên

Quá trình thi công xây dựng từ hoạt động này tạo ra lượng bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc thiết bị tham gia thi công.

b3. Khí thải từ hoạt động của các công trình xử lý môi trường

Các hơi khí độc hại như H₂S; NH₃; CH₄... phát sinh từ khu tập kết chất thải rắn; khâu vận chuyển chất thải rắn; từ các công trình xử lý nước thải (cống rãnh; bể xử lý nước thải).

b4. Khí thải từ máy phát điện:

Quá trình đốt dầu DO để vận hành máy phát điện sẽ đưa vào không khí các loại khí thải có chứa chất ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO và VOC gây ô nhiễm cho môi trường không khí.

b5. Tác động do khí thải phát sinh từ quá trình nấu ăn tại khu vực dự án

Quá trình nấu ăn sẽ đưa vào không khí các loại khí thải có chứa chất ô nhiễm như bụi, SO₂, NO₂, CO và VOC gây ô nhiễm cho môi trường không khí.

c. Tác động do chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt

Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân, cán bộ công nhân viên khách vãng lai đến dự án, thành phần chủ yếu gồm: Chất hữu cơ, giấy, bìa cát tông, giẻ vụn, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa...

d. Chất thải nguy hại

Thành phần CTNH bao gồm dầu nhớt thải, bao bì mềm thải có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại, bao bì cứng thải bằng kim loại, pin, ắc quy, chì thải.

1.4. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án

1.4.1. Các công trình bảo vệ môi trường giai đoạn thi công

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải

a.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt từ quá trình thi công

- Nước thải từ quá trình rửa tay chân sẽ trang bị 02 hố thu gom của trạm rửa xe (dung tích bể xây dựng 3,0 m x 2 m x 1,5 m) để xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh nhà thầu thi công sẽ thuê 4 nhà vệ sinh di động 2 buồng để đảm bảo sinh hoạt của công nhân. Định kỳ 2 ngày 1 lần thuê đơn vị chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật.

a.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Chủ đầu tư sẽ tiến hành xây dựng 02 hố lắng (dung tích bể xây dựng 3,0m x 2,0m x 1,5m, thời gian lắng 2h, để xử lý trước khi thải từ hoạt động rửa xe, rửa tay chân của công nhân trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Định kỳ 1 tháng đơn vị thi công thu hút, nạo vét bùn bể đem đi chôn lấp đúng nơi quy định.

a.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) phục vụ quá trình thi công xây dựng cần che chắn bằng bạt.

- Thi công hoàn thiện hạ tầng mương thoát nước nội bộ quanh khu vực dự án.

- Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Trang bị 1 máy bơm nước hố móng để tránh hiện tượng ngập úng khi mưa.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

b1. Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình phá dỡ công trình hiện hữu, đào đắp san gạt nền, trút đổ, máy móc thi công phá dỡ

- Sử dụng máy bơm nước có công suất 75w, ống dẫn nước mềm có chiều dài 200m để tưới nước giảm thiểu bụi trong khi thi công phá dỡ.

- Công nhân được cung cấp đầy đủ trang bị bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, 02 khẩu trang, 1 kính, 02 mũ, 02 đôi găng tay, 02 đôi ủng/1 người...) cho công nhân.

- Lắp dựng rào tôn vây quanh toàn bộ khu vực diễn ra hoạt động thi công của dự án, rào tôn có chiều cao 2,5m.

- Các bãi tập kết nguyên vật liệu sẽ được tiến hành che phủ bạt khi cần thiết.

- Bảo dưỡng định kỳ phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển.

- Thực hiện quan trắc môi trường không khí các chỉ tiêu: Bụi, khí: CO, NO₂, NH₃, H₂S, tại các vị trí xây dựng.

b.2. Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ các quá trình đào đắp, bốc xúc hố móng, phương tiện thi công, quá trình vận chuyển.

- Tưới nước giảm thiểu bụi trong khi thi công.

- Trang bị bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, khẩu trang, 2 kính, 2 mũ, 2 đôi găng tay, 2 đôi ủng/1 người...) khi làm việc tại khu vực công trường thi công.

- Duy trì sử dụng rào tôn cao 2,5m xung quanh phần diện tích đất thi công.

- Bảo dưỡng định kỳ phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển với tần suất 3 tháng/lần.

- Sử dụng sơn Rego là loại sơn nhũ tương gốc nước không pha dung môi.

- Thực hiện phủ bạt xe, chở đúng khối lượng, tránh rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động của chất thải rắn

c.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:

- Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật: hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý.

- CTR bê tông gạch vỡ từ quá trình phá dỡ sẽ được tận dụng để làm vật liệu san nền chuẩn bị mặt bằng dự án trước khi thi công.

- Khối lượng phế liệu từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng tận dụng làm phế liệu và giao cho đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn đem đi xử lý, tái chế.

- Khối lượng CTR từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng không có khả năng tái chế hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá... sử dụng để làm lớp lót sân đường nội bộ và dùng để san nền phía bên trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng sẽ thu gom lại và tận dụng làm phế liệu, phần thừa

còn lại là các thành phần như ván gỗ chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị môi trường có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

- Đất đào bóc phong hóa được tận dụng đắp tôn nền khu vực bãi để xe tại dự án.

- Đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng: sẽ được tận dụng để tôn nền bên trong công trình.

c.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:

- Chủ đầu tư sẽ trang bị thùng đựng rác 0,5m³/thùng tại mỗi khu lán trại.

- Thùng đựng rác phải được che chắn, có nắp đậy, tránh mưa, nắng và không bị chim chóc, động vật xâm phạm.

- Rác thải sau khi thu gom tập trung và đến cuối ngày sẽ được hợp đồng với đơn vị môi trường tại địa phương vận chuyển đi xử lý theo quy định.

d. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:

Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

1.4.2. Các công trình bảo vệ môi trường giai đoạn hoạt động

a. Biện pháp giảm thiểu nước thải:

Nước mưa chảy tràn

Dự án sử dụng giếng thu nước đặt dọc lề đường với khoảng cách trong khoảng từ (25-35)m. Toàn bộ hệ thống thoát nước mưa được thiết kế bằng hệ thống cống thoát nước BTCT B600, D800 bố trí ngầm dọc bên hè các tuyến giao thông nội bộ khu vực có độ dốc theo hướng từ Tây sang Đông theo quy hoạch sau đó thoát ra mương hiện trạng phía Đông dự án thoát về sông Thạch Luyện.

Nước thải nhà tắm, rửa tay, tắm giặt

Sau khi được tách rác thô bằng dụng cụ tách rác có sẵn tại vị trí bồn rửa mặt, nhà tắm. Sau đó nước thải sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

Nước thải nhà vệ sinh

Nước thải vệ sinh dẫn về bể tự hoại là công trình xử lý nước thải bậc I sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi dẫn ra ra môi trường.

Nước thải nhà bếp, ăn uống

Nước thải nhà ăn, nấu nướng dẫn về bể tách dầu mỡ là công trình xử lý nước thải bậc I sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi dẫn ra ra môi trường.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung cho toàn bộ dự án

Chủ đầu tư sẽ trang bị hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải vệ sinh, nước thải ăn uống, nước thải tắm giặt, nước thải giặt, sau khi xử lý qua các công trình xử lý cấp I (bể tự hoại, bể tách dầu mỡ). trạm xử lý nước thải hợp khối bằng vật liệu composite (gồm 1 hệ thống với công suất là 70m³/ng.đ/ 1 hệ thống, vị trí đặt ngầm tại khu

vực bãi cỏ cây xanh phía Nam dự án) để xử lý đạt quy chuẩn 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

b. Biện pháp giảm thiểu khí thải

b1. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ các phương tiện ra vào dự án

- Vệ sinh hàng ngày đối với khu sân bãi và vỉa hè trong phạm vi của dự án.
- Tiến hành phun tưới nước làm ẩm mặt đường, vỉa hè khu dự án.
- Bố trí và đảm bảo khuôn viên cây xanh, công viên cây xanh.

b2. Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các công trình xử lý môi trường (khu tập kết rác, hệ thống xử lý nước thải).

- Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt.
- Thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa.

B3. Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động nấu nướng tại khu vực nhà bếp

- Trang bị thiết bị hút mùi tại các khu vực bếp
- Lắp đặt hệ thống quạt và điều hòa có hệ thống khử mùi.
- Thu gom thức ăn dư thừa, dọn vệ sinh, lau chùi sàn nhà ăn sau khi khách sử dụng bằng nước rửa có mùi hương.

- Sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện...

c. Giảm thiểu tác động tới môi trường do chất thải rắn:

- Chủ dự án trang bị các thùng chứa cho khu vực khuôn viên cây xanh, dọc tuyến đường giao thông

- Các hộ gia đình thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao CTRSH cho đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH theo đúng thời gian do UBND cấp xã quy định tự trang bị các thùng đựng CTR.

- Chủ dự án trang bị các thùng bố trí ở hành lang tầng.

- Bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt công cộng loại 100 lít/thùng trong khuôn viên cây xanh, khu vực công cộng để thu gom rác thải sinh hoạt (100m bố trí 1 thùng), số lượng 24 thùng.

- Định kỳ 6 tháng/lần nạo hút bùn cặn các công trình xử lý nước thải.

Bảng 1.1: Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án

STT	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường
Giai đoạn thi công			
1	<ul style="list-style-type: none"> - Phát quang thảm thực vật. - Phá dỡ công trình hiện trạng. - San nền. 	<p>Hoạt động này chủ yếu tác động đến môi trường khí như bụi, các khí thải CO, NO_x, SO_x</p> <p>Tác động làm phát sinh tiếng ồn .</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công (200 bộ); - Phun nước rửa bụi. - Lắp dựng rào tôn LxH = 1.209,5x2,5 (m) - Tưới nước giảm thiểu bụi đường

2	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công. - Hoạt động xả nước thải, nước mưa chảy tràn. 	<p>Tác động làm suy giảm chất lượng môi trường nước mặt, nước ngầm, đất.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt trong đó + Nước rửa tay chân: dẫn vào 02 hố lắng kích thước: 3,0 m x 2 m x 1,5 m trước khi thải ra môi trường. + Nước thải vệ sinh: thuê 4 nhà vệ sinh di động hợp vệ sinh của đơn vị chức năng bố trí tại khu lán trại; - Nước thải thi công, rửa xe: Trang bị 02 hố lắng kích thước: BxLxH = 3x2x1,5m - Nước mưa chảy tràn: Che chắn bãi tập kết vật liệu, xây dựng mương rãnh thoát nước mưa trước theo đúng thiết kế.
3	<ul style="list-style-type: none"> - Phát quang thảm phủ. - San nền. - Thi công xây dựng hạng mục công trình. 	<p>Tác động CTr làm ô nhiễm môi trường khu vực, mất mỹ quan, ảnh hưởng chất lượng công trình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 02 thùng dung tích 100 lit/thùng đặt tại mỗi khu lán trại, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày. - CTR phá dỡ công trình một phần tận dụng để tôn nền dự án, một phần thuê đơn vị đến xử lý và 1 phần tận dụng bán phế liệu. - Sinh khối thực vật phát quang phần thuê đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý. - Đất bóc phong hóa tận dụng trồng cây - Đất đào đắp thừa tận dụng tôn nền bên trong các công trình dự án. - Chất thải nguy hại: được trang bị 02 thùng chuyên dụng 0,25m³ chứa chất thải nguy hại và hợp đồng với các đơn vị có chức năng đưa đi xử lý.
Giai đoạn vận hành			
1	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý bụi, khí thải từ phương tiện giao thông, máy phát điện; - Mùi hôi từ các khu vực: nhà ăn, khu vực làm việc,.... 	<p>Tác động làm ô nhiễm môi trường không khí như bụi, khí độc (SO₂, NO₂, CO); Tác động làm phát sinh tiếng ồn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quét dọn vệ sinh sân đường nội bộ trong khu vực dự án; - Rác thải được thu gom và đưa đi xử lý trong ngày, không lưu rác thải qua đêm; - Định kỳ 6 tháng 1 lần tiến hành vệ sinh, sửa chữa thiết bị xử lý khí thải; - Trồng cây xanh, bổ sung cây xanh khi bị chết; - Trang bị 71 thiết bị chụp hút mùi tại khu vực nhà bếp của các công trình.
2	<p>Biện pháp xử lý nước thải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt; - Nước mưa chảy tràn; - Xây dựng hệ thống xử lý 	<p>Tác động làm suy giảm chất lượng môi trường nước mặt, nước ngầm, đất.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt: Xây dựng các bể tự hoại tại các khu nhà. - Nước thải từ khu vực nhà ăn: trang bị các bể tách dầu mỡ đặt bên cạnh bồn rửa mỗi khu bếp của mỗi hạng mục công trình. - Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa. Trên hệ thống thoát nước mưa có bố trí hố ga lắng cặn.

	nước thải tập trung.		- Lắp dựng hệ thống XLNTTT hợp khối bằng vật liệu composite bao gồm 1 hệ thống với công suất xử lý là 70m ³ /ngày đêm/1 hệ thống
3	Biện pháp xử lý chất thải rắn: - Chất thải rắn sinh hoạt - CTNH - Chất thải rắn từ nấu ăn - Bùn cặn từ các công trình xử lý nước thải.	Tác động làm phát sinh chất thải rắn	- Chủ dự án trang bị các thùng chứa cho khu vực khuôn viên cây xanh, dọc tuyến đường giao thông. - Các hộ gia đình, nhà văn hóa thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao CTRSH cho đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH theo đúng thời gian do UBND cấp xã quy định tự trang bị các thùng đựng CTR. - Bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt công cộng loại 100 lít/thùng trong khuôn viên cây xanh, khu vực công cộng để thu gom rác thải sinh hoạt (100m bố trí 1 thùng), số lượng 24 thùng. - Định kỳ 6 tháng/lần nạo hút bùn cặn các công trình xử lý nước thải.
4	Xử lý chất thải nguy hại	Tác động làm phát sinh chất thải nguy hại	Để thuận tiện cho quá trình xử lý, giảm thiểu tác động do CTNH chủ đầu tư đã trang bị các thùng đựng CTNH ở trên (các thùng màu đen), nhằm phân loại ngay tại nguồn.

1.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

1.5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

* Giám sát chất lượng khí thải:

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Vị trí giám sát:

+ K1: Tại khu vực lán trại công nhân phía Đông dự án (X= 2137505; Y= 575416)

+ K2: Tại khu vực lán trại công nhân phía Tây dự án (X= 2137526; Y= 575141)

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị vi khí hậu cho

phép tại nơi làm việc;

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

1.5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

* *Giám sát chất lượng nước thải:*

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: BOD₅, NH₄⁺ (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, PO₄³⁻ (tính theo P), Coliform.

- Vị trí giám sát:

+ NT1: Tại cống thu nước thải trước khi thoát vào HTXLNT (X= 2137551; Y= 575503).

+ NT2: Tại bể thu gom nước thải sau xử lý tại HTXLNT (X= 2137549; Y= 575511).

- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

1.3.2. Nguyên nhiên vật liệu phục vụ hoạt động dự án (vận hành thử nghiệm bằng vận hành thương mại = 100% công suất dự án)

a. Dự kiến quy mô dân số tại dự án:

Bảng 1.22: Dự kiến quy mô dân số dự án giai đoạn vận hành

STT	Tên lô đất	Ký hiệu	Số lô	Quy mô dân số (người)	Số người sinh hoạt tại nhà văn hóa thời điểm lớn nhất (người)
I	Đất ở Liên kề	CL	58	286	-
1	Đất ở chia lô CL-A	CL-A	7	34	-
2	Đất ở chia lô CL-B	CL-B	7	34	-
3	Đất ở chia lô CL-C	CL-C	8	39	-
4	Đất ở chia lô CL-D	CL-D	8	39	-
5	Đất ở chia lô CL-E	CL-E	16	80	-
6	Đất ở chia lô CL-F	CL-F	8	39	-
7	Đất ở chia lô CL-G	CL-G	4	21	-
II	Đất ở Biệt thự	BT	13	64	-
1	Đất biệt thự A	BT-A	12	59	-
2	Đất biệt thự B	BT-B	1	5	-
II	Đất công cộng	-	-	-	-
1	Nhà văn hóa	VH	-	-	12
TỔNG		-	71		12

Ghi chú:

- Tại mỗi lô nhà ở liên kề, nhà ở biệt thự quy mô dân số là: 4-5 người/lô/hộ.

b. Nhu cầu sử dụng nước

Nhu cầu sử dụng nước của người dân sống và làm việc tại khu vực dự án cũng như các đối tượng dùng nước khác, tiêu chuẩn nước cấp cho dự án lấy theo QCVN 01:2021/BXD, TCXDVN 33:2006 của Bộ xây dựng tiêu chuẩn về cấp nước – mạng lưới đường ống và các công trình tiêu chuẩn thiết kế thì nhu cầu sử dụng nước tại dự án như sau:

Bảng 1.23: Các đối tượng sử dụng nước khi dự án đi vào vận hành

Stt	Đối tượng dùng nước	Định mức	Các hạng mục dùng nước		Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ng.đ)		Tổng
			Người dân ở, lưu trú tại dự án	Diện tích sàn (m ²)	Người dân ở, lưu trú tại dự án	Cán bộ nhân viên tại nhà văn hóa	
I	Nhà ở chia lô liền kề, biệt thự mới						
-	Người dân ở, lưu trú tại dự án	120 lit/người/ngày	350	-	42,0	-	42,0
II	Nhà văn hóa						
-	Cán bộ nhân viên tại nhà văn hóa	2 lít/m ²	-	351,16m ²	-	0,70	0,70
Tổng lưu lượng nước sinh hoạt (I + II)							42,70
Rửa đường (đất gia thông phân lô, đất giao thông nội khu và đất giao thông kết nối ngoại khu)		0,5 lít/m²	20.074,7m²		10,04		
Tưới cây xanh		3,0 lít/m²	1.904,4m²		5,72		
Bãi đỗ xe		0,5/m²/ng.đ	1.454,6		0,73		
Nước thất thoát		15% (tổng lưu lượng nước phát sinh)			10,30		
		Tổng			69,49		

(Nguồn: Theo thuyết minh dự án (phần dự toán) - Viện Quy hoạch - Kiến trúc tỉnh Thanh Hóa lập tháng 12/2021)

Vậy tổng nhu cầu cấp nước của dự án (không tính nước PCCC) là: **69,49m³/ngày.đêm**, trong đó nước cấp sinh hoạt là **42,70m³/ngày.đêm**, phục vụ vào 3 mục đích chính là cấp nước nhà vệ sinh, cấp nước tắm, rửa tay chân và hoạt động ăn uống,...

- Nhu cầu nước cứu hỏa:

Nhu cầu nước chữa cháy tính cho 03 đám cháy đồng thời, thời gian cháy 2h. Định mức cấp nước PCCC là 20 lít/s, lưu lượng nước cấp dự trữ là:

$$Q_{PCCC} = 20 \times 3 \times 2 \times 3600 / 1000 = 432,0 \text{ m}^3/\text{h}.$$

** Nguồn cấp nước sinh hoạt của dự án:*

Để đảm bảo đủ nước cấp sinh hoạt cho dự án, tại khu vực dự án sẽ bố trí 1 giếng khoan, khai thác nước ngầm, một giếng bố trí ở khu vực phía Nam dự án. Chủ đầu tư sẽ làm hồ sơ xin khai thác nước dưới đất để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đây là giải pháp cấp nước tạm thời, trong tương lai nguồn nước cấp cho khu vực được đầu nối từ mạng lưới cấp nước theo quy hoạch chi tiết 1/500 Khu công nghiệp số 11 KKT Nghi Sơn từ đường ống cấp nước D110 dọc tuyến đường T1 và tuyến đường N3 của khu dân cư Trường An.

Giếng khoan nước có chiều sâu tính từ miệng giếng đến đáy của giếng là 15m sau đó sử dụng máy bơm ly tâm loại 1,5 DK-20 bơm nước vào hệ thống lọc bằng các vật liệu lọc như cát, than hoạt tính, quặng, sỏi đỡ trước khi sử dụng.

- Cấp nước tưới cây, rửa đường, cứu hỏa:

Nước cho rửa đường và tưới cây sẽ được lấy từ giếng khoan khu vực dự án. Tại khu vực này luôn có máy bơm ly tâm 1,5 DK-20 và ống dây dẫn nước mềm để phục vụ tưới cây, rửa đường.

Nước cứu hỏa sẽ được lấy từ nguồn nước sạch khu vực dự án. Trong trường hợp cần thiết nước cấp cho hoạt động chữa cháy sẽ được lấy từ tuyến mương tại dự án.

b. Nhu cầu về điện:

- *Nhu cầu điện:* Nhu cầu sử dụng điện cung cấp trong một ngày tại các khu vực như: điện thắp sáng, điện dùng cho quạt, điều hòa, thang máy, ti vi, bình nóng lạnh, quạt hút mùi, quạt thông gió, máy nén khí,... Dựa trên Cơ sở các chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt trong khu dân cư nhu cầu sử dụng điện của dự án cụ thể như sau:

Bảng 1.24: Nhu cầu sử dụng điện

STT	Loại phụ tải	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kđt	Cosφ	Stt (KVA)
Tổng nhu cầu cấp điện								282
1	Đất ở	350	Người	500	W/người	0,9	0,8	216,56
2	Nhà văn hoá	351,16	m ² sàn	30	w/ m ² sàn	0,85	0,8	12,31
2	Đất cây xanh	4279,1	m ²	1,5	W/m ²	1	0,8	8,83
3	Bãi đỗ xe	1454,6	m ²	1,5	W/m ²	1	0,8	3,0
4	Giao thông	20074,7	m ²	1,5	W/m ²	1	0,8	41,4

(Nguồn: Thuyết minh dự án đầu tư)

Nhu cầu sử dụng điện của khu vực lập quy hoạch trong vòng một ngày: 282KVA.

- *Nguồn cung cấp:* Nguồn điện cấp cho khu vực lấy từ tuyến cấp điện 22KV đi qua khu dân cư thôn Trường An, xã Trường Lâm.

1.4. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Dự án được chủ đầu tư triển khai nghiên cứu dự kiến xây dựng trong 01 năm từ năm 2022 đến năm 2023 và được chia nhỏ làm các giai đoạn thực hiện:

Bảng 1.25: Tiến độ thực hiện dự án (quý III năm 2022 - quý III năm 2023)

Nội dung công việc	Tiến độ thực hiện dự án (từ tháng 07/2022 đến hết tháng 06/2024)												Năm
	Quý I			Quý II			Quý III			Quý IV			
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	
Chuẩn bị mặt bằng: - Cải dịch đường điện hiện trạng - San nền dự án	Thi công mặt bằng 5 tháng (từ tháng 07/2022 đến tháng 9/2022)												Năm 2022
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công cộng	Thi công xây dựng từ tháng 10/2022 đến hết tháng 06/2023 (12 tháng)												Năm 2022
Vận hành dự án	Vận hành từ tháng 07/2023 trở đi												2023

(Nguồn: Báo cáo thuyết minh dự án đầu tư)

Dự án tiến hành thi công chuẩn bị mặt bằng từ tháng 07/2022 và hoàn thiện mặt bằng vào hết tháng 09/2022 (thực hiện trong 3 tháng), sau đó tiến hành thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công cộng kết thúc thi công hoàn thiện dự án vào tháng 07/2023 (thực hiện trong 9 tháng). Dự án đi vào hoạt động từ tháng 7/2023 trở đi.

1.4.1. **Vốn đầu tư**

Dự kiến Dự án: “Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Trường An, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa” với tổng vốn đầu tư bao gồm: Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác, chi phí dự phòng:

Bảng 1.26: Kinh phí thực hiện dự án

TT	Hạng mục chi phí	Chi phí (đồng)
1	Chi phí xây dựng	20.604.000.000
2	Chi phí thiết bị	1.347.000.000
3	Chi phí Quản lý dự án	622.000.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.962.000.000
5	Chi phí BVMT	1.150.000.000
6	Chi phí tư vấn thiết kế	1.197.000.000
7	Chi phí khác	407.000.000
8	Chi phí dự phòng	1.111.000.000
9	Chi phí bồi thường GPMB	5.700.000.000
TỔNG		34.100.000.000

(*Nguồn: Thuyết minh báo cáo dự án đầu tư Khu dân cư thôn Trường An, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá do Viện Quy hoạch - Kiến trúc tỉnh Thanh Hóa lập tháng 05/2022*)

- Tổng vốn đầu tư: 34.100.000.000 đồng.

Cơ cấu nguồn vốn: Từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất quy hoạch khu dân cư thôn Trường An, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

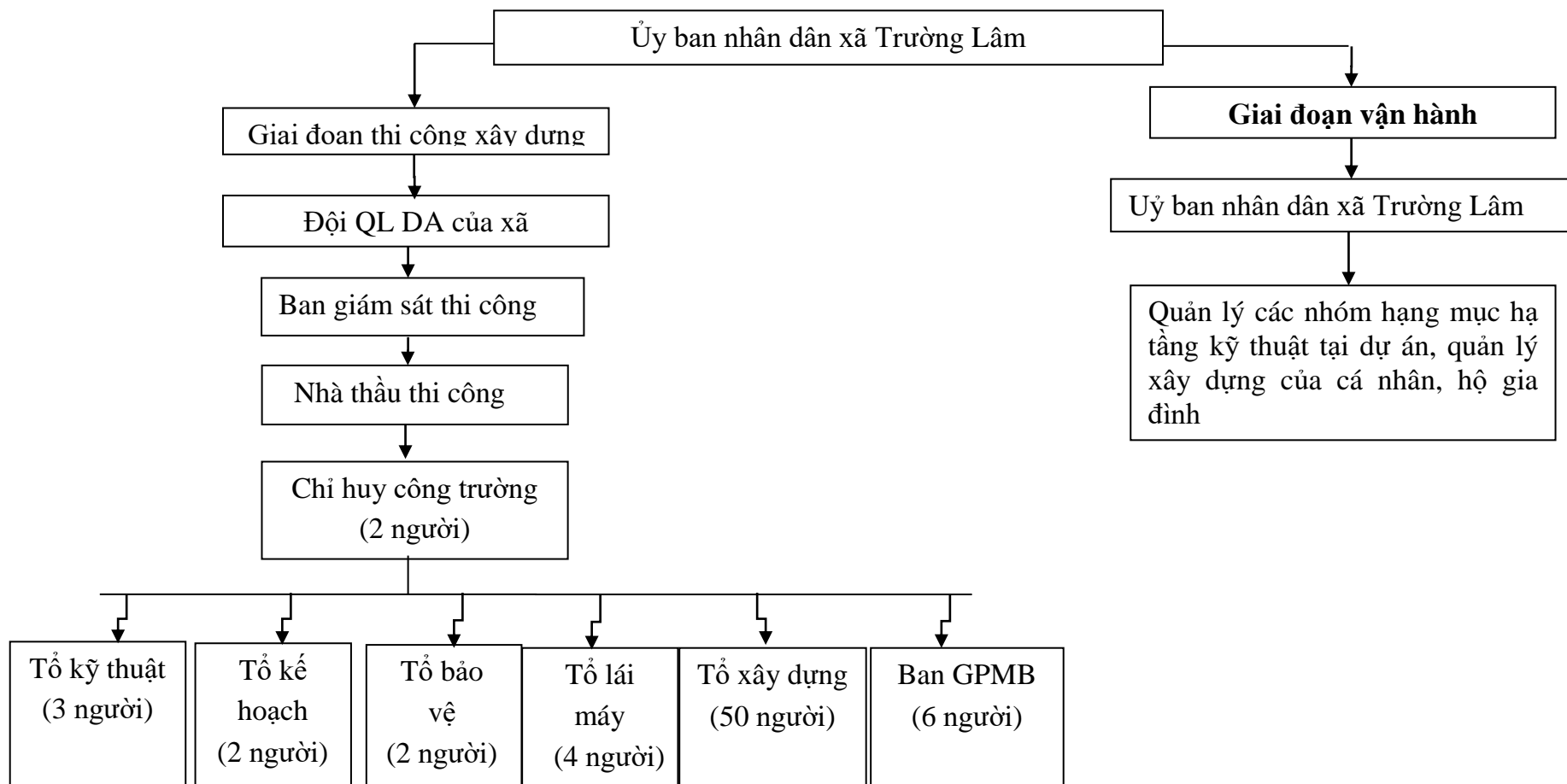
1.4.2. **Tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

Dự án: “Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân thôn Trường An, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa” do Ủy ban nhân dân xã Trường Lâm làm chủ đầu tư.

Hình thức quản lý dự án: Chủ dự án sau khi đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bao gồm các hạng mục: San nền, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải theo quy hoạch. Các cá nhân tổ chức sẽ vào đầu tư xây dựng các công trình theo quy hoạch, sau khi đầu tư xây dựng hoàn thiện Chủ đầu tư là UBND xã Trường Lâm sẽ trực tiếp quản lý các hộ dân của dự án.

Trên cơ sở khối lượng, quy mô của dự án báo cáo xây dựng bảng thống kê tóm tắt các thông tin chính như sau:

Trên cơ sở khối lượng, quy mô của dự án báo cáo xây dựng bảng thống kê tóm tắt các thông tin chính như sau:



Hình 1.4: Sơ đồ tổ chức quản lý của dự án

1.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 3.47: Tổng hợp phương án tổ chức thực hiện các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường.

T T	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Trách nhiệm giám sát
I	Giai đoạn thi công xây dựng					
1	<ul style="list-style-type: none"> - Phát quang thảm thực vật. - Phá dỡ công trình hiện trạng. - San nền 	<p>Hoạt động này chủ yếu tác động đến môi trường khí như bụi, các khí thải CO, NO_x, SO_x</p> <p>Tác động làm phát sinh tiếng ồn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công (200 bộ); - Phun nước rửa bụi; - Lắp dựng rào tôn LxH = 1.209,5x2,5 (m); - Tưới nước giảm thiểu bụi đường bằng biện pháp thủ công và dọn vệ sinh khu vực thi công dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí mua bảo hộ lao động: 200 bộ x 200.000 đ/bộ = 40.000.000 đồng; - Kinh phí lắp dựng rào tôn: 50.000.000 đồng. - Kinh phí tưới nước giảm thiểu bụi đường: 10.000.000 đ 		
2	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công - Hoạt động xả nước thải, nước mưa chảy tràn. 	<p>Tác động làm suy giảm chất lượng môi trường nước mặt, nước ngầm, đất</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Nước rửa tay chân: dẫn vào 02 hố lắng kích thước: 3,0 m x 2 m x 1,5 m trước khi thải ra môi trường; + Nước thải vệ sinh: thuê 4 nhà vệ sinh di động hợp vệ sinh của đơn vị chức năng bố trí tại 02 khu lán trại; - Nước thải thi công, rửa xe: Trang bị hố lắng kích thước: BxLxH=3x2x1,5m; - Nước mưa chảy tràn: Che chắn bãi tập kết vật liệu, xây dựng mương rãnh thoát nước mưa trước theo đúng thiết kế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí thuê nhà vệ sinh di động: 4 nhà x 800.000 đ/nhà/tháng x 12 tháng = 38.400.000 đồng; - Kinh phí hút bùn cặn nhà vệ sinh: 6.520.000 đồng; - Kinh phí xây dựng bể lắng xử lý nước thải xây dựng: 6.000.000 đồng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã Trường Lâm - Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
3	<ul style="list-style-type: none"> - Phát quang thảm phủ - San nền 	<p>Tác động CTr làm ô nhiễm môi trường khu vực,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 02 thùng dung tích 0,5m³/thùng đặt tại mỗi khu lán trại sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng vận 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí thuê xử lý chất thải rắn sinh hoạt: 100.000 đ/tháng x 12 tháng x = 		

	- Thi công xây dựng hạng mục công trình	mất mỹ quan, ảnh hưởng chất lượng công trình.	<p>chuyển đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - CTR phá dỡ công trình một phần tận dụng để tôn nền dự án, một phần thuê đơn vị đến xử lý và 1 phần tận dụng bán phế liệu. - Sinh khối thực vật phát quang thuê đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý. - Đất đào bóc phong hóa tận dụng tôn nền khu vực bãi đỗ xe. - Đất đào đắp hố móng thừa tôn nền bên trong các công trình khu vực dự án. - Chất thải nguy hại: Được trang bị 02 thùng chuyên dụng 0,5m³/thùng chứa chất thải nguy hại và hợp đồng với các đơn vị có chức năng đưa đi xử lý. 	<p>1.200.000 đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí mua thùng đựng CTR và CTNH: 02 thùng x 1.000.000 đ/thùng = 2.000.000 đ; - Kinh phí trang bị 2 thùng đựng thải rắn sinh hoạt: 2x500.000 = 1.000.000 đồng. 		
4	- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	Tác động tới kinh tế và sức khỏe của công nhân thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị bảo hộ cho công nhân. - Tổ chức thi công hợp lý. - Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất. 			
Tổng kinh phí				155.120.000 đồng		
II	Giai đoạn vận hành toàn dự án					
1	Biện pháp xử lý nước thải: - Nước thải sinh hoạt; - Nước mưa chảy tràn; - Xây dựng hệ thống xử lý	Tác động làm suy giảm chất lượng môi trường nước mặt, nước ngầm, đất	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt: Xây dựng 71 bể tự hoại tại khu vực nhà ở liên kề, nhà ở biệt thự 01 bể tự hoại tại nhà văn hóa. - Nước thải từ khu vực nhà ăn: trang bị 71 bể tách dầu mỡ đặt bên cạnh bồn rửa mỗi khu bếp của mỗi hạng mục công trình nhà liên kề. - Nước mưa chảy tràn: Xây dựng mương rãnh thoát nước mưa, nắp đậy bê tông. Trên hệ thống 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí xây dựng bể tự hoại: (71+1) cái x 3.000.000 = 210.000.000 đ. - Kinh phí xây dựng bể tách dầu mỡ: 71 cái x 2.000.000 = 142.000.000 đ. - Kinh phí vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung là: 	- Hộ gia đình - Nhà đầu tư thứ cấp	

	nước thải tập trung.		thoát nước mưa có bố trí hố ga lắng cặn; - Xây dựng hệ thống thoát nước thải, xây dựng 1 hệ thống xử lý tập trung;	200.000.000 đồng. - Kinh phí xây dựng hệ thống thoát nước mưa: 360.000.000 đồng; - Kinh phí xây dựng hệ thống thoát nước thải: 250.000.000 đồng; - Kinh phí lắp dựng hệ thống xử lý NTKT: 200.000.000 đ.	- Chủ đầu tư	- UBND xã Trường Lâm - Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp
2	- Xử lý bụi, khí thải từ phương tiện giao thông, máy phát điện. - Mùi hôi từ các khu vực: nhà ăn, khu vực làm việc,....	Tác động làm ô nhiễm môi trường không khí như bụi, khí độc (SO ₂ , NO ₂ , CO). Tác động làm phát sinh tiếng ồn	- Quét dọn vệ sinh sân đường nội bộ trong khu vực dự án; - Rác thải được thu gom và đưa đi xử lý trong ngày, không lưu rác thải qua đêm; - Trang bị 71 chụp hút mùi tại các khu vực bếp; - Định kỳ 6 tháng 1 lần tiến hành vệ sinh, sửa chữa thiết bị xử lý khí thải; - Trồng cây xanh, bổ sung cây xanh khi bị chết;	- Kinh phí vệ sinh, sửa chữa thiết bị: 5.000.000 đồng; - Kinh phí mua chụp hút mùi: 71 cái x 1.500.000 = 106.500.000 đồng; - Kinh phí trồng cây xanh: 110.000.000 đồng;	- Hộ gia đình - Chủ đầu tư	
3	Biện pháp xử lý chất thải rắn: - Chất thải rắn sinh hoạt - CTNH - Chất thải rắn từ nấu ăn - Bùn cặn từ các công trình xử lý nước	Tác động làm phát sinh chất thải rắn	- Chất thải rắn sinh hoạt được xử lý như sau: + Các hộ gia đình tự trang bị 71 thùng dung tích 20 lít/thùng màu xanh; 71 thùng dung tích 20 lít/thùng màu xám đen; + Chủ đầu tư trang bị 4 thùng đựng rác 100 lit/đặt tại khuôn viên nhà văn hóa; + Chủ đầu tư trang bị 24 thùng đựng rác 100 lit/thùng trong khuôn viên cây xanh, khu vực công cộng để thu gom rác thải sinh hoạt; + Chủ đầu tư trang bị 4 thùng chứa CTR có dung tích 0,5m ³ /thùng đặt tại điểm tập kết	- Kinh phí mua thùng đựng rác 5lit: 71 thùng x 2 x 150.000 đ/thùng = 21.300.000 đồng; - Kinh phí mua thùng đựng rác 100 lit: 28 thùng x 300.000 đ/thùng = 8.400.000 đồng; - Kinh phí mua thùng đựng rác 0,5m ³ : 4 thùng x 500.000	- Hộ gia đình - Chủ đầu tư	

	thải.		CTR; - Định kỳ 6 tháng/lần nạo hút bùn cặn các công trình xử lý nước thải; - Xây 1 trạm trung chuyển rác thải.	đ/thùng = 2.000.000 đồng; - Kinh phí nạo hút bùn cặn: 3.000.000 đồng; - Kinh phí thuê xử lý chất thải rắn sinh hoạt: 100.000 đ/tháng x 12 tháng = 12.000.000 đồng;		
4	Xử lý chất thải nguy hại	Tác động làn phát sinh chất thải nguy hại	Để thuận tiện cho quá trình xử lý, giảm thiểu tác động do CTNH chủ đầu tư đã trang bị các thùng đựng CTNH ở trên (các thùng màu đen), nhằm phân loại ngay tại nguồn.	Kinh phí trang bị thùng loại đựng CTNH đã tính cùng ở trên.	Chủ đầu tư	
5	Phòng chống sự cố cháy nổ		- Lắp đặt các thiết bị PCCC đúng theo đúng quy định. - Lắp đặt hệ thống chống sét theo đúng thiết kế. - Định kỳ kiểm tra mức độ an toàn của các thiết bị PCCC, chống sét, sự cố hóa chất.		Chủ đầu tư	
Tổng kinh phí				1.630.200.000đồng		

4.2. Chương trình quan trắc và giám sát môi trường

Để đảm bảo trong quá trình Dự án đi vào hoạt động không gây tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh, sức khoẻ cộng đồng và đánh giá hiệu quả của các biện pháp phòng chống, hạn chế ô nhiễm trong suốt thời gian hoạt động của Dự án thì công tác giám sát môi trường đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Công tác giám sát chất lượng môi trường do Công ty thực hiện, chương trình giám sát chất lượng môi trường được đề xuất sau đây sẽ được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động dự án.

4.2.1. Giám sát chất thải trong khu vực dự án

4.2.1.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

* *Giám sát chất lượng khí thải:*

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Vị trí giám sát: `

+ K1: Tại khu vực lán trại công nhân phía Đông dự án (X= 2137505; Y= 575416)

+ K2: Tại khu vực lán trại công nhân phía Tây dự án (X= 2137526; Y= 575141)

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị vi khí hậu cho phép tại nơi làm việc;

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

4.2.1.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

* *Giám sát chất lượng nước thải:*

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: BOD₅, NH₄⁺ (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, PO₄³⁻ (tính theo P), Coliform.
- Vị trí giám sát:
 - + NT1: Tại cống thu nước thải trước khi thoát vào HTXLNT (X= 2137551; Y= 575503).
 - + NT2: Tại bể thu gom nước thải sau xử lý tại HTXLNT (X= 2137549; Y= 575511).
- *Quy chuẩn áp dụng*: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

KẾT QUẢ THAM VẤN

5.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

5.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên mạng thông tin điện tử

Ngày /2022 UBND xã Trường Lâm đã phát hành công văn số 132/UBND-TL về việc lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện Đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Trường An, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn” và tài liệu báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đính kèm đến Trung tâm công nghệ thông tin Ban Quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp.

5.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến

5.1.2.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

- Trong quá trình lập báo cáo ĐTM, Chủ đầu tư đã thực hiện tổ chức lấy ý kiến tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện Đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Trường An, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn”.

- Ngày 15/06/2022, UBND và UBMTTQ xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn đã tổ chức cuộc họp diễn ra vào lúc 8h00p cuộc họp với sự tham gia của lãnh đạo UBND và người dân xung quanh dự án bị ảnh hưởng, sau cuộc họp đã nhận được ý kiến đóng góp của các thành phần tham dự đối với dự án.

(Có văn bản trả lời kèm theo ở phần Phụ lục của báo cáo).

5.1.2.2. Tóm tắt về quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

- Ngày 15/06/2022 Cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư diễn ra tại UBND xã Trường Lâm với thành phần là đại diện UBND, UBMTTQ xã Trường Lâm vùng dự án và cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng bởi dự án tại hội trường UBND xã Trường Lâm.

(Kết quả họp tham vấn cộng đồng có biên bản họp kèm theo ở phần Phụ lục của báo cáo).

5.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
I	Tham vấn qua đăng tải trên trang thông tin điện tử (ngày 16/06/2022 UBND xã Trường Lâm đã gửi công văn số 132/UBND-TL đến Ban Quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, ngày Ban Quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp đã có công văn số /CV-BQLKKTNS&KCN trả lời chủ đầu tư)		
-	Không có ý kiến tham gia góp ý đối	-	-

	với báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Trường An, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn.		
II	Tham vấn bằng hình thức tổ chức họp lấy ý kiến (ngày 15/06/2022 UBND xã Trường Lâm tổ chức cuộc họp tham vấn).		
Chương I	Thống nhất với các nội dung đã trình bày tại chương I, bao gồm chủ trương đầu tư, quy mô xây dựng và các chỉ tiêu kỹ thuật.	-	Hộ dân xã Trường Lâm
Chương II	Thống nhất với các nội dung về tình hình kinh tế xã hội khu vực và đặc điểm các tượng kinh tế khu vực dự án.	-	Hộ dân xã Trường Lâm.
Chương III	<p>Đồng ý với các nội dung tác động và biện pháp tương ứng được trình bày trong tài liệu gửi kèm trong quá trình thi công và hoạt động của dự án.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị chủ dự án có cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp xử lý chất thải theo đúng quy định. - Thường xuyên thông báo cho chính quyền địa phương về tiến độ thực hiện dự án. - Chú ý vấn đề an toàn lao động trong thi công. - Khi tổ chức thực hiện dự án cần đảm bảo hồ sơ dự án đã được duyệt, đặc biệt vệ sinh môi trường khu vực dân cư. - Có sự giám sát chặt chẽ của cơ quan chức năng chuyên môn về môi trường để đảm bảo hoạt động của dự án. - Thường xuyên thông báo cho chính quyền địa phương về tiến độ thực hiện dự án; phối hợp chặt chẽ với các cấp trong việc quản lý, giám sát. - Đề nghị dự án triển khai đúng với nội dung đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt, có niêm yết công khai để cơ quan và người dân cùng giám sát. 	Chủ đầu tư tiếp thu và nghiêm túc thực hiện các góp ý của đại diện các hộ dân xã Trường Lâm	Đại diện các hộ dân xã Trường Lâm.
Chương	Đồng ý với kế hoạch quản lý và giám	-	Đại diện các hộ dân xã

IV	sát môi trường chủ đầu tư đã đưa ra.		Trương Lâm
----	--------------------------------------	--	------------

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Dự án khi đi vào hoạt động sẽ đóng góp một phần quan trọng vào sự phát triển của thị xã Nghi Sơn nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung, tạo nên một diện mạo mới, tư duy mới phù hợp với xu thế phát triển chung của địa phương. Về mặt không gian cảnh quan đây là công trình hiện đại có vị trí đẹp, là điểm nhấn cho khu vực, công trình tạo nên một vẻ đẹp riêng và tôn vinh cảnh quan.

Thực hiện Luật BVMT, Chủ dự án lập báo cáo ĐTM cho dự án, trong đó đã mô tả tương đối đầy đủ các tác động của dự án từ giai đoạn chuẩn bị cho đến giai đoạn thi công xây dựng và đi vào hoạt động của dự án, từ đó đã nhận dạng đầy đủ nguồn phát sinh chất thải và các tác nhân gây ô nhiễm tác động đến môi trường. Báo cáo đã đồng thời đưa ra chương trình quản lý giám sát chất lượng môi trường phù hợp. Các giải pháp xử lý nước thải, khí thải; thu gom, quản lý, xử lý chất thải rắn và các biện pháp xử lý khác được tính toán chi tiết, có cơ sở khoa học, tuân theo các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia trong thiết kế xây dựng. Các giải pháp xử lý chất thải đều có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện của địa phương, đảm bảo tiêu chuẩn thải ra môi trường.

2. Kiến nghị

Đề nghị Ban Quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp xem xét thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Đầu tư xây dựng Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Trường An, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn của UBND xã Trường Lâm làm căn cứ cho Chủ dự án thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

3. Cam kết

3.1. Cam kết thực hiện các biện pháp BVMT trong quá trình thi công dự án

Sau khi cơ quan chức năng phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án, chủ đầu tư dự án sẽ nghiêm túc bổ sung các biện pháp BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng vào dự án đầu tư và hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công theo đúng các cam kết trong báo cáo ĐTM.

Đưa nội dung BVMT vào hồ sơ mời thầu để xét duyệt đơn vị trúng thầu thi công xây dựng. Coi các biện pháp BVMT là một trong những tiêu chí quan trọng để xét duyệt thầu.

Lập kế hoạch quản lý môi trường gửi UBND xã Trường Lâm để công khai theo quy định.

Yêu cầu các nhà thầu xây dựng nghiêm túc chấp hành các biện pháp BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng, đặc biệt tại khu vực xây dựng Dự án.

Phối hợp với cơ quan tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế nhằm đề xuất, xử lý các tình huống phát sinh, giám sát các biện pháp BVMT của các đơn vị thi công xây dựng.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường do quá trình thi công xây dựng dự án. Có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại do các hoạt động thi công xây dựng gây ra.

Các biện pháp BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ được tiến hành đồng thời.

3.2. Cam kết BVMT trong quá trình hoạt động của dự án

Khi đi vào hoạt động, Chủ đầu tư dự án cam kết sẽ thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ô nhiễm môi trường như đã trình bày trong báo cáo ĐTM và các yêu cầu kỹ thuật khác theo TCXD Việt Nam.

Các cam kết chủ yếu cụ thể như sau:

3.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án đảm bảo diện tích cây xanh.
- Nguyên liệu nhập về được tập kết, che chắn tránh khả năng phát tán bụi ra môi trường.

- Cam kết tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Cam kết nồng độ khí thải của dự án đạt tiêu chuẩn về môi trường như sau:

- + Quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- + Quy chuẩn QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

3.2.2. Xử lý nước thải

- Xử lý nước thải: Chủ đầu tư cam kết nghiêm túc vận hành hệ thống xử lý tập trung nước thải sau xử lý đạt QCCP QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) mới thải ra ngoài môi trường.

3.2.3. Xử lý chất thải rắn

- Thực hiện phân loại và xử lý chất thải rắn theo đúng phương án được trình bày trong báo cáo ĐTM. Xây dựng điểm tập kết trước khi đưa Dự án đi vào hoạt động chính thức.

- CTR nguy hại sẽ được thu gom thực hiện theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, xây dựng khu lưu giữ CTR nguy hại riêng. Chủ dự án sẽ hợp đồng với các đơn vị có chức năng để xử lý.

- Đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại với Ban Quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp.

3.2.4. Xử lý các ô nhiễm môi trường khác

- Đảm bảo môi trường dự án theo tiêu chuẩn quy định tại QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT.

- Tuyên truyền, giáo dục cho nhân viên trong dự án về ý thức bảo vệ môi trường, ý thức phòng cháy chữa cháy và đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Có biện pháp khen thưởng kịp thời với những hành vi bảo vệ môi trường và ngược lại.

- Khi xảy ra các sự cố về môi trường phải có phương án khắc phục hậu quả ngay, nếu gây thiệt hại về mặt kinh tế phải bồi thường cho người dân địa phương.

3.2.5. Cam kết giám sát môi trường

Chủ đầu tư cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường và sẽ báo cáo định kỳ đến Ban Quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, cơ quan quản lý môi trường địa phương phối hợp có kế hoạch theo dõi, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của dự án nhằm phát hiện kịp thời các sự cố môi trường có thể xảy ra để hạn chế tới mức thấp nhất các tác động có hại của dự án tới môi trường xung quanh.

3.2.6. Cam kết khác

Chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện chương trình quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường như sẽ trình bày ở mục biện pháp và báo cáo định kỳ cho Ban Quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, theo quy định của pháp luật.

- Chủ đầu tư cam kết sẽ nộp các loại phí về BVMT đầy đủ và đúng theo thời gian quy định.

- Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác giữ gìn trật tự an ninh xã hội, tham gia vào các phong trào do địa phương phát động,...

